

## ẨN DỤ TRI NHẬN TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ HÀM Ý SỰ PHẠM

Nguyễn Thị Tân Mùi  
Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh

**Tóm tắt:** Ẩn dụ tri nhận được xem là một công cụ kiến tạo tư duy tiềm năng trong dạy học địa lý. Bài viết dựa trên lý thuyết ẩn dụ tri nhận của Lakoff và Johnson, kế thừa các nghiên cứu trước đây để làm sáng tỏ vai trò và hàm ý vận dụng ẩn dụ tri nhận trong dạy học địa lý. Kết quả nghiên cứu cho thấy ẩn dụ tri nhận giúp cụ thể hóa các khái niệm trừu tượng, tổ chức tư duy không gian và phát triển tư duy hệ thống ở người học; việc nhận diện tính giới hạn và phân tích phản tỉnh mỗi cấu trúc ẩn dụ là cơ hội để phát triển tư duy phản biện cho người học. Bài viết sơ đồ hóa quy trình vận dụng nhằm làm rõ vai trò giàn giáo nhận thức của ẩn dụ tri nhận trong dạy học địa lý.

**Từ khóa:** ẩn dụ tri nhận; dạy học địa lý; công cụ tư duy; tư duy không gian; tư duy hệ thống.

## CONCEPTUAL METAPHOR IN GEOGRAPHY TEACHING: THEORETICAL FOUNDATIONS AND PEDAGOGICAL IMPLICATIONS

**Abstract:** Cognitive metaphor is considered a potential thinking construction tool in geography education. This article is based on the cognitive metaphor theory of Lakoff and Johnson and inherits previous studies to clarify the role and implications of applying cognitive metaphors in geography teaching. The research results show that cognitive metaphors help concretize abstract concepts, organize spatial thinking, and develop systems thinking in learners; recognizing the limitations and critically analyzing each metaphorical structure provides an opportunity to develop learners' critical thinking. The article also schematizes the application process to clarify the cognitive scaffolding role of cognitive metaphors in geography education.

**Keywords:** cognitive metaphor; geography education; thinking tool, spatial thinking; systems thinking.

Nhận bài: 03/03/2026

Phản biện: 02/04/2026

Duyệt đăng: 06/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Địa lý là một môn khoa học đặc thù đòi hỏi phương pháp tiếp cận đa dạng. Người học với việc lĩnh hội những tri thức địa lý có thể gặp khó khăn liên quan đến ngôn ngữ khoa học chuyên biệt. Ẩn dụ được nghiên cứu như một công cụ thúc đẩy nhận thức đầy tiềm năng; nó không chỉ đơn thuần là một biện pháp tu từ mà còn được nhìn nhận như một công cụ tư duy cốt lõi; thông qua sự kết nối tri thức khoa học với kinh nghiệm sống nó giúp cá nhân hiểu và giải thích các khái niệm địa lý trừu tượng. Việc nghiên cứu và sử dụng ẩn dụ vì thế có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lí luận và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng dạy học địa lý theo định hướng phát triển năng lực người học.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Cơ sở lý luận

##### 2.1.1. Lý thuyết về ẩn dụ tri nhận

Các nghiên cứu về ẩn dụ được tiếp cận theo 2 hướng chính: ẩn dụ tu từ và ẩn dụ tri nhận (ẩn dụ ý niệm).

Theo cách tiếp cận truyền thống, ẩn dụ được hiểu như một biện pháp tu từ, đó là phép chuyển nghĩa dựa trên sự tương đồng giữa hai đối tượng. Về bản chất, “ẩn dụ là một lối so sánh ngầm, về so sánh bị giảm lược đi còn về được so sánh”.

Ẩn dụ ý niệm hay ẩn dụ tri nhận (gọi tắt là ẩn dụ) là hướng tiếp cận chủ yếu trong các nghiên cứu đương đại, dựa trên lý thuyết của Lakoff & Johnson (2003). Các hướng tiếp cận đương đại thừa nhận ẩn dụ không chỉ là một phép tu từ ngôn ngữ mà là phương thức kiến tạo tri thức; một dạng thức của tư duy khái niệm, phản ánh cách con người nhận thức và kiến tạo thế giới thông qua ngôn ngữ, một cơ chế nhận thức đặc thù, trong đó cấu trúc logic của các khái niệm trừu tượng được chuyển tải và làm sáng tỏ thông qua logic của các khái niệm cụ thể hơn.

Ẩn dụ là nền tảng của tư duy và hành động. Hệ thống ý niệm thường ngày mà theo đó chúng ta suy nghĩ và hành động, về cơ bản mang tính ẩn dụ. Con người sử dụng ẩn dụ để hiểu và trải nghiệm khái niệm trừu tượng qua kinh nghiệm cụ thể, thông qua quá trình ánh xạ hai chiều giữa miền nguồn (những trải nghiệm gần gũi, quen thuộc) và miền đích (những khái niệm trừu tượng cần nhận thức). Cơ chế này không chỉ làm phong phú ngôn ngữ mà còn định hình tư duy, thay đổi nhận thức của con người về thế giới.

Ví dụ cơ chế ánh xạ ẩn dụ “Sa mạc là biển cát”:

Miền nguồn Biểu cát	Miền ánh xạ	Miền đích Sa mạc	Giá trị nhận thức
Rộng lớn, mệnh môn		Quy mô không gian rộng lớn	Người học hình dung quy mô của sa mạc
Sóng nước động		Cồn cát di chuyển	Hiểu được quá trình địa mạo động học
Sự sống nghèo nàn		Hệ sinh thái khắc nghiệt	Kết nối đặc điểm khí hậu khô hạn

Theo cách phân loại của Lakoff và Johnson, ẩn dụ tri nhận gồm ba tiểu loại: ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ bản thể và ẩn dụ định hướng.

Ẩn dụ cấu trúc giúp chúng ta hiểu một ý niệm trừu tượng bằng cấu trúc của một ý niệm quen thuộc, cụ thể; nhờ sự tương hợp giữa các yếu tố cấu thành mà cơ chế ánh xạ hai miền ý niệm được hình thành. Ẩn dụ bản thể là quá trình vật thể hóa các hiện tượng trừu tượng, giúp con người tri nhận chúng như những thực thể có ranh giới, cấu trúc và chức năng; dạng ẩn dụ này thường biểu hiện qua các hình thức như coi khái niệm trừu tượng là vật chứa, vật thể hoặc cơ thể sống. Ẩn dụ định hướng, ý niệm được cấu trúc theo định hướng không gian; các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy các ánh xạ ẩn dụ định hướng không mang tính phổ quát tuyệt đối mà phụ thuộc vào đặc điểm tương tác cảm - vận động của cơ thể với môi trường, chúng được kiến tạo trên nền tảng trải nghiệm hành động hiệu quả, thay vì chỉ dựa vào quy ước ngôn ngữ.

Nghiên cứu về ẩn dụ tri nhận phản ánh tính nhấn mạnh và che giấu của ẩn dụ, đặc biệt là ẩn dụ cấu trúc. Khi một miền đích được cấu trúc hóa theo một miền nguồn cụ thể, nó nhấn mạnh những khía cạnh này nhưng cũng che giấu hay làm mờ những khía cạnh khác. Cơ chế này hàm ý ẩn dụ bên cạnh hỗ trợ nhận thức, còn có khả năng định hình, thậm chí làm thiên lệch nhận thức khoa học nếu không được sử dụng phù hợp và tiếp cận chúng như một đối tượng cần được phân tích và phản biện. Ngoài ra, tính đồ chiếu cấu trúc từ một miền nguồn sang một miền đích nhưng không phải ngược lại chỉ ra bản chất một chiều của ẩn dụ, đòi hỏi một góc nhìn phản tỉnh khi tri nhận đối tượng.

### 2.1.2. Vai trò nhận thức của ẩn dụ tri nhận trong dạy học địa lý

Bản chất của quá trình giáo dục là kết nối giữa cái đã biết và cái chưa biết. Đây cũng là một đặc trưng cơ bản của ẩn dụ. Nó thúc đẩy quá trình kiến tạo tri thức bằng cách giúp người học tiếp cận và khám phá các khái niệm và vấn đề từ nhiều góc

nhìn khác nhau. Ẩn dụ được xem là công cụ sư phạm hiệu quả trong quá trình dạy học địa lý, có thể giúp người dạy phát triển suy nghĩ, hình ảnh, ứng dụng và thay đổi hoạt động lớp học để làm rõ vai trò, trách nhiệm của mình.

Trong một nghiên cứu về sử dụng ẩn dụ trong mô tả địa lý có cảnh báo việc xem nhẹ phương tiện biểu đạt ngôn ngữ ẩn dụ trong dạy học địa lý, nơi vốn đề cao tính chính xác và chặt chẽ khoa học trước sự suy yếu của phương thức biểu đạt bằng lời và sự phát triển của các phương tiện trực quan hiện đại. Tầm quan trọng đặc biệt của ẩn dụ trong dạy học địa lý càng được khẳng định, nơi mà các tri thức khoa học tự nhiên và xã hội giao thoa, hòa trộn dễ dẫn đến sự mơ hồ về nhận thức. Shuell (1990) nhấn mạnh rằng giá trị của một phép ẩn dụ vượt xa ngàn bức tranh, vì nó cung cấp khung khái niệm để tư duy thay vì chỉ đưa ra một hình ảnh tĩnh. Vì lẽ đó, ẩn dụ không chỉ là một công cụ minh họa mà còn là một công cụ tư duy.

Ẩn dụ đóng vai trò như một giàn giáo nhận thức, giúp thiết lập mối liên hệ hữu cơ giữa tri thức khoa học địa lý và trải nghiệm đời sống phong phú của người học. Thông qua cơ chế ánh xạ, các hiện tượng địa lý trừu tượng được cụ thể hóa thành những hình ảnh gần gũi, giúp người học dễ dàng nắm bắt bản chất vấn đề. Chẳng hạn, hình ảnh sinh động về cấu trúc bên trong Trái đất thông qua phép ẩn dụ về cấu trúc bên trong của quả trứng, từ đó nội suy mối liên hệ nhân - quả giữa quá trình kiến tạo địa chất bên trong và đặc điểm địa mạo biểu hiện ở lớp vỏ Trái đất; hoặc Trái đất được ẩn dụ là một cơ thể sống với các giác quan (sông ngòi - mạch máu, rừng - phổi, đại dương - hệ tuần hoàn..).

Cần lưu ý rằng, ngoài vai trò minh họa tri thức, tính lưỡng diện của ẩn dụ chi phối cách người học tri nhận các đối tượng địa lý; vì thế, nó đòi hỏi phát triển tư duy phản biện ở người học và sự định hướng ở người dạy, việc lựa chọn và sử dụng ẩn dụ cần được cân nhắc nhằm tránh gây lệch lạc hoặc phiến diện trong nhận thức.

Không gian tri thức địa lý vô cùng sâu rộng nên việc sử dụng ẩn dụ trong dạy học đòi hỏi rất lớn ở năng lực của người dạy. Khi sở hữu nền tảng kiến thức bách khoa, họ sẽ có lợi thế trong việc sử dụng đa dạng các hình ảnh ẩn dụ để giảng giải vấn đề, giúp bài giảng trở nên lôi cuốn, dễ hiểu và khắc sâu vào tâm trí người học. Giá trị sư phạm của ẩn dụ không nằm ở bản thân từ ngữ mà phụ thuộc chặt chẽ vào ngữ cảnh giảng dạy và sự tương thích với vốn kinh nghiệm của người học.

## 2.2. Hàm ý nhận thức ẩn dụ tri nhận trong dạy học địa lý

### 2.2.1. Tri nhận địa lý thông qua ẩn dụ cấu trúc “Mảng kiến tạo - Mảnh ghép hình”

Trong chương trình địa lý, chủ đề kiến tạo mảng thường gây khó khăn cho người học do vượt ra ngoài khả năng tri nhận trực tiếp về không gian và thời gian, dẫn đến mức độ hứng thú thấp và tiến trình tiếp thu chậm. Các nghiên cứu về ẩn dụ địa chất - kiến tạo cho thấy ẩn dụ mảng kiến tạo - mảnh ghép hình là một dạng ẩn dụ cấu trúc địa chất điển hình về kiến tạo mảng; thông qua một miền nguồn quen thuộc (mảnh ghép hình) để ánh xạ lên một miền đích trừu tượng (mảng kiến tạo), việc kích hoạt các sơ đồ hình ảnh như khớp nối và ranh giới đóng vai trò trung tâm trong quá trình hình thành hiểu biết khái niệm và kích hoạt các dạng tư duy địa lý cần thiết cho người học.

Trong cơ chế nhận thức, mảnh ghép hình là miền nguồn với các đặc trưng: (i) cấu trúc gồm nhiều mảnh rời rạc có hình dạng xác định (ii) khả năng dịch chuyển tương đối giữa các mảnh (iii) tương tác thông qua ghép nối hoặc tách rời. Các đặc trưng này được ánh xạ có hệ thống lên miền đích là các mảng thạch quyển, giúp người học hiểu cấu trúc phân mảnh của bề mặt Trái Đất, ranh giới và sự tương khớp giữa các mảng. Khi người học bắt đầu nhận diện các mảng là các thành phần có mối liên hệ, tương tác trong tổng thể bề mặt Trái Đất, tư duy không gian được kiến tạo.

Cơ chế ánh xạ cho phép người học chuyển từ việc tri nhận cấu trúc tĩnh sang tri nhận cấu trúc động, từ nhận diện trực quan sang diễn giải suy luận tương tác động giữa các mảng, như hội tụ gắn với va chạm và nâng cao địa hình; phân kỳ gắn với tách giãn và hình thành thung lũng tách giãn hay sống núi giữa đại dương. Chính sự dịch chuyển này khởi phát sự hình thành tư duy quá trình, khi người học bắt đầu hiểu các hiện tượng địa lý như những biến đổi diễn ra theo thời gian cùng hệ quả nhất định. Việc tri nhận các mảng

như những đơn vị tương tác lẫn nhau trong một chỉnh thể đã bước đầu kích hoạt tư duy hệ thống ở người học, mặc dù ở mức độ còn giản lược.

Cần hiểu rằng, giá trị của ẩn dụ này cần được đặt trong giới hạn nhận thức của nó. Bản chất của mảnh ghép hình nhấn mạnh trạng thái khớp nối hoàn chỉnh và tính ổn định, trong khi hệ thống thạch quyển thực tế luôn vận động, biến đổi và chỉ đạt trạng thái cân bằng tương đối. Nếu không được kiểm soát, ẩn dụ có thể dẫn đến xu hướng hiểu các mảng như những khối rắn độc lập. Kết quả nghiên cứu cho thấy người học thường kích hoạt sơ đồ “đẩy” thay vì “kéo” khi giải thích chuyển động mảng, qua đó hình thành những quan niệm sai lệch về cơ chế địa động lực. Ẩn dụ “mảnh ghép” dù có ý nghĩa trong giai đoạn hình thành biểu tượng ban đầu, kích hoạt các dạng thức tư duy địa lý; việc sử dụng cần đi kèm với sự chỉ rõ giới hạn của miền nguồn và bổ sung các cơ chế giải thích phù hợp, chẳng hạn, minh họa hình ảnh động để mô tả chuyển động mảng theo thời gian, mô hình 3D, tranh cắt lớp hoặc đa ẩn dụ (ví dụ, Vô trái đất là một tấm thảm) để mô tả các lực kéo, trọng lực và đối lưu manti... Chỉ khi được định hướng đúng, ẩn dụ mới thực sự phát huy vai trò như một công cụ trung gian giúp chuyển hóa tri thức khoa học phức tạp thành hiểu biết có ý nghĩa đối với người học.

### 2.2.2. Tri nhận địa lý thông qua ẩn dụ bản thể “Dòng sông - Mạch máu”

Lý thuyết nhận thức sinh thái và ẩn dụ lập luận ẩn dụ nảy sinh từ hệ thống sinh vật - môi trường, nơi ý nghĩa mang tính quan hệ tương hỗ và dựa trên khả năng gọi hành động của cảnh quan tự nhiên, cung cấp cơ sở khoa học cho việc tri nhận địa lý thông qua ẩn dụ “Dòng sông - Mạch máu”.

Một ẩn dụ gắn đặc tính sinh học (huyết mạch) cho một thực thể địa lý (sông ngòi) dựa trên sự tương đồng giữa hệ tuần hoàn sinh học và hệ thống sông ngòi. Cơ chế cốt lõi của ẩn dụ này là vật thể hóa và hữu cơ hóa một hệ thống phức hợp tự nhiên - kinh tế - xã hội thông qua trải nghiệm cơ thể; qua đó giúp người học nhận thức nó như một chỉnh thể có cấu trúc, chức năng và tính liên kết nội tại. Sự tương đồng này phản ánh tính hệ thống và tính liên kết lãnh thổ trong địa lý.

Xét cơ chế nhận thức, miền nguồn là mạch máu cung cấp một cấu trúc giàu tính kinh nghiệm: (i) là hệ thống dẫn truyền chất lỏng, (ii) có tính mạng lưới với các cấp bậc phân nhánh, (iii) đảm nhiệm chức năng vận chuyển và phân phối dưỡng chất,

và (iv) gắn liền với sự sống và duy trì hoạt động của toàn bộ cơ thể. Những đặc trưng này được ánh xạ lên miền đích là hệ thống sông ngòi, qua đó các dòng sông được hiểu như những kênh dẫn sống của bề mặt Trái Đất, vận chuyển nước, phù sa và năng lượng duy trì sự tồn tại của các hệ sinh thái và hệ thống kinh tế - xã hội. Nếu mạch máu bị tắc nghẽn dẫn đến rối loạn cơ thể, thì dòng sông bị ô nhiễm, đắp đập sẽ dẫn đến sự suy thoái trực tiếp của "cơ thể" kinh tế - xã hội - môi trường lưu vực. Cơ chế suy luận này kích hoạt tư duy hệ thống ở người học, giúp truy xét mối liên hệ tương hỗ giữa con người - môi trường.

Ẩn dụ này dù khởi phát tư duy hệ thống, khơi gợi cảm xúc và trách nhiệm môi trường ở người học, song có xu hướng hữu cơ hóa quá mức đối tượng tri nhận, làm mờ các yếu tố địa lý, xã hội và chính trị chi phối dòng chảy. Nếu đồng nhất bản chất dòng sông với mạch máu sẽ có nguy cơ bỏ qua tính đa chiều và không đồng nhất của hệ thống tự nhiên. Sử dụng ẩn dụ gắn với bản đồ lưu vực, mô hình dòng chảy, tính xuyên biên giới của dòng chảy... , nhất quán sự tương đồng chỉ mang tính mô hình hóa, không phải đồng nhất bản chất là gợi ý tiềm năng đối với người dạy nhằm thúc đẩy tư duy hệ thống và hiểu biết sâu của người học về mối quan hệ giữa tự nhiên và sự sống trên Trái Đất.

### 2.2.3. Tri nhận địa lý thông qua ẩn dụ định hướng "Áp cao - Áp thấp"

Không gian là một thuộc tính của sự tồn tại, chúng ta sống và tương tác trong phạm vi, kích thước của nó. Trong nghiên cứu của Lakoff và Johnson, các ẩn dụ không gian được phân tích, gọi là ẩn dụ định hướng. Cơ thể và tính vật chất là một trong những nguồn ẩn dụ không gian cơ bản và bền vững nhất có thể được sử dụng trong dạy học Địa lí. Các ẩn dụ này cho phép chuyển hóa các định hướng không gian thuần túy (trên-dưới, trái-phải, lên-xuống, trong-ngoài, cao-thấp) thành những cấu trúc khái niệm và giá trị trừu tượng, phản ánh cách trải nghiệm của con người được tổ chức theo nền tảng cơ thể - không gian.

Trong Địa lí, định hướng không gian là sống còn. Ẩn dụ định hướng xuất hiện phổ biến nhưng thường tồn tại ở dạng ngầm. Nhiều khái niệm địa lý được tổ chức dựa trên các trục không gian theo chiều dọc và các quan hệ thứ bậc. Chúng ta có thể thảo luận với người học về việc tại sao chúng ta thường nói "Lên miền Bắc; về miền Tây hay xuống miền Nam". Phải chăng miền Bắc "cao"

hơn hay đó là ẩn dụ định hướng dựa trên bản đồ (Bắc là trên, Nam là dưới). Việc sử dụng trục tọa độ không gian để người học ghi nhớ các quy luật, ví dụ, "vùng lõi- vùng đệm" không chỉ là thuật ngữ mà phản ánh cách tư duy không gian theo mô hình trung tâm - ngoại vi. Để hiểu rõ hơn, cùng xét thuật ngữ "áp cao - áp thấp" để làm rõ định hướng tư duy không gian địa lý dưới góc nhìn ẩn dụ tri nhận.

Trong địa lý khí tượng, áp cao - áp thấp phản ánh trực tiếp ẩn dụ định hướng, nơi áp suất không khí (lực nén) được khái niệm hóa theo chiều dọc không gian, áp suất lớn tương ứng "lên cao" (tích cực, ổn định, không khí giáng xuống), áp suất nhỏ là "xuống thấp" (tiêu cực, bất ổn, không khí thăng lên). Khoa học địa lý áp dụng ẩn dụ này nhất quán rằng áp cao liên kết với thời tiết khô nóng, trong khi áp thấp gây mưa bão; cơ chế hình thành hoàn lưu khí quyển cũng được định nghĩa thông qua ẩn dụ này.

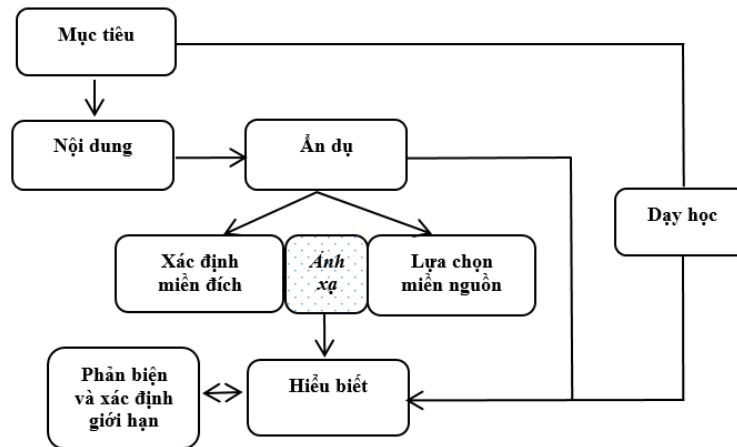
Ẩn dụ áp cao - áp thấp không chỉ thể hiện ngôn ngữ mà định hình nhận thức địa lý, giúp người học hình dung dòng chảy không khí từ "cao" xuống "thấp" hình thành các dòng hoàn lưu trong khí quyển, phản ánh tư duy thể chất (khí áp giảm theo độ cao thực tế). Với địa lý, nó củng cố mô hình đại áp toàn cầu, minh họa cách ẩn dụ định hướng biến hiện tượng vật lý trừu tượng thành trực quan hàng ngày. Kết quả là, bằng cách cung cấp một hệ tọa độ ngầm định, các ẩn dụ định hướng giúp người học cấu trúc thông tin không gian phức tạp và suy luận các mối quan hệ mà không cần đến hình thức biểu diễn chính thức.

Không thể phủ nhận việc sử dụng ẩn dụ định hướng trong dạy học cũng tiềm ẩn những hạn chế nhất định. Việc có thể dẫn đến những thiên lệch nhận thức hoặc sự đơn giản hóa quá mức, đòi hỏi phải chuyển từ sử dụng ngầm sang tương tác nhận thức một cách tường minh. Chẳng hạn, việc đồng nhất "cao là trên/tốt, ổn định hay thấp là dưới/xấu, thiếu ổn định" có thể làm lu mờ tính phức tạp của các hệ thống khí quyển hoặc các cấu trúc kinh tế - xã hội. Các nghiên cứu liên văn hóa cũng cho thấy định hướng không gian không hoàn toàn phổ quát mà có thể biến đổi theo kinh nghiệm ngôn ngữ và văn hóa, hàm ý rằng người học trong các bối cảnh khác nhau có thể diễn giải các tín hiệu định hướng theo những cách không đồng nhất. Điều này mở ra một hướng tiếp cận trong dạy học Địa lý, đó là không nên chỉ dựa vào biểu diễn trừu tượng như bản đồ, sơ đồ mà cần kết hợp với các trải nghiệm không gian cụ thể như mô phỏng dòng

chảy, chuyển động gió, các thao tác bản đồ, hoạt động thực địa..) nhằm củng cố các ánh xạ định hướng một cách phù hợp và chính xác hơn.

Bởi vì không gian tri thức địa lý là vô cùng sâu rộng, những ví dụ trên chỉ là những hàm ý ban đầu

về việc sử dụng ẩn dụ để tri nhận địa lý. Để làm rõ hơn vai trò gián giáo nhận thức của ẩn dụ, một mô hình hóa được đề xuất (như hình 1), những hàm ý trên có thể làm cơ sở để người dạy vận dụng và phát triển thêm trong dạy học địa lý.



Hình 1. Quy trình vận dụng ẩn dụ tri nhận trong dạy học địa lý

### III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của ẩn dụ tri nhận trong dạy học địa lý; lập luận các phương thức ẩn dụ tri nhận đều có giá trị nhận thức cụ thể và những vấn đề cần bàn luận. Hiệu quả của các ẩn dụ không mang tính tuyệt đối, do bị chi phối bởi cơ chế nhấn mạnh và che giấu cùng tính phụ thuộc văn hóa của ẩn dụ, đòi hỏi tri nhận các đối tượng một cách phản tỉnh.

Vận dụng ẩn dụ tri nhận trong dạy học Địa lý là một hướng đi triển vọng để cụ thể hóa các khái niệm trừu tượng, tổ chức tư duy không gian và phát triển tư duy hệ thống; qua đó hỗ trợ người

học chiếm lĩnh tri thức hiệu quả hơn dựa trên trải nghiệm văn hóa - xã hội vốn sẵn. Việc nhận diện tính giới hạn và thiên lệch của mỗi cấu trúc ẩn dụ là cơ hội để phát triển tư duy phản biện cho người học, và năng lực của người dạy rất quan trọng.

Việc tích hợp ẩn dụ tri nhận vào dạy học địa lý không nên dừng lại ở minh họa, làm đẹp ngôn từ mà cần được xem như một phương tiện tổ chức nhận thức. Các ẩn dụ giàu ý nghĩa về khám phá, tính đa dạng và mối quan hệ địa lý biện chứng cần được khai thác có định hướng để thúc đẩy hoạt động học tập tích cực và phát triển các năng lực tư duy bậc cao ở người học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lakoff G. and Johnson M. (2003), *Metaphors we live by*, The University of Chicago Press.
- AYDIN F. (2010), Secondary School Students' Metaphors about the Geography Concept, *Educational Sciences: Theory & Practice*, 10 (3), 1313-1322.
- SAGDIC M. (2013), Geography teachers' metaphors concerning the concept of "Geography", *Educational Research and Reviews*, 8(10), 637-645.
- Đ.T. Lạc, N.T. Hòa (2001), *Phong cách học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
- Đ. H. Châu (1962), *Giáo trình Việt ngữ, t.2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Lương Ngọc Khánh Phương (2023), Một số ẩn dụ bản thể và ẩn dụ định hướng ý niệm phụ nữ trong tiếng Việt dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Quốc Tế Hồng Kông*.
- Trần Văn Sáng (2022), The conceptual metaphor of "Blue" in Vietnamese Language, *International Journal of Social Science and Human Research*, vol.5, i.4.
- Trifunović M. (2021), Cognitive value of Metaphor in Geography Education, UDC 91:371.31, DOI 10.7251/HER2024127T.
- Phí Thị Thu Trang (2021), Đối chiếu ẩn dụ định hướng lên - xuống trong khẩu hiệu Tiếng Việt và Tiếng Anh, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 2 (70).

- Casasanto D. (2009), Embodiment of abstract concepts: Good and bad in right- and left-handers, *Journal of Experimental Psychology: General*, 138(3), pp. 351–367
- Nguyễn Văn Hiệp (2024), Nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm ở Việt Nam: Những khoảng trống chưa được nghiên cứu, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*, tập 60, số 10.
- Guilherme A. (2016) Discussing education by means of metaphors, *Education Philosophy and Theory*, 50(10), 947-956.
- Tuan Y.F. (2010), Use Of Simile And Metaphor In Geographical Descriptions, *The Profesional Geographer*, 9(5), 8-11.
- Shuell T.J. (1990). Teaching and Learning as Problem Solving, *Theory into Practice*, 29(2), 102-108.
- Nelson G. and Thornburgh W, (2022), It's a Puzzle: Engaging Students in Plate Tectonics, *The Hoosier Science Teacher*, 45(1), 9-16.
- Conrad D. and Libarkin J. (2021), Using Conceptual Metaphor Theory within the Model of Educational Reconstruction to identify students' alternative conceptions and improve instruction: A plate tectonics example, *Journal of Geoscience Education*, 70(2), 262-277.
- Boroditsky L. (2001), Does language shape thought? Mandarin and English speakers' conceptions of time, *Cognitive Psychology*, 43 (1), 1-22
- Kövecses Z. (2012), *Metaphor in Culture: Universality and Variation*, Cambridge University Press.
- Jensen T.W and Greve L. (2019), Ecological Cognition and Metaphor, *Metaphor and Symbol*, 34(1), 1-16.
- Kaya B. and Aladağ C., (2024), The Evaluation of Metaphoric Perception of the Concept of "Geography" by Geography Teacher Candidates, *Vilnius University Press*, 52, 171-190.
- Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi (2013), Về các khái niệm ẩn dụ tri nhận, ẩn dụ từ vựng và ẩn dụ tu từ, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*.